

Số: 02/TM-KHVL

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2026

## THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Nhà cung cấp

Căn cứ Hợp đồng thực hiện đề tài số 96/HĐ-VHL ngày 28/12/2023 về việc thực hiện hợp phần số 2: “Nghiên cứu và hoàn thiện công nghệ chế tạo lớp phủ hữu cơ đa chức năng ứng dụng làm sơn tàu biển” mã số TĐVLTT.02/24-26;

Hiện tại, Viện Khoa học vật liệu đang xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp vật tư, hóa chất năm 2026 cho đề tài mã số TĐVLTT.02/24-26

Viện Khoa học vật liệu kính mời Nhà cung cấp báo giá vật tư theo các nội dung sau:

- Danh mục báo giá: Chi tiết theo Phụ lục đính kèm (Lưu ý: Báo giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển,... Bên mua không phải trả thêm bất kỳ một chi phí nào).

- Mục đích báo giá: Làm cơ sở xây dựng dự toán, kinh phí mua sắm.

- Thời hạn gửi báo giá: Trước 17g00 ngày 31/01/2026.

- Yêu cầu báo giá: 01 bản chính bằng Tiếng Việt (Mẫu báo giá theo Phụ lục đính kèm).

- Hình thức gửi báo giá: Bản cứng (đã ký, đóng dấu).

- Địa điểm nhận báo giá: Phòng Quản lý tổng hợp - Viện Khoa học vật liệu - 18 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Hà Nội. Điện thoại: 0243 7568870.

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, H2.

**KT. VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



**Hoàng Anh Sơn**

## PHỤ LỤC

(Kèm theo Thư mời báo giá số 02/TM-KHVL ngày 21/01/2026)

Kính gửi: Viện Khoa học vật liệu - 18 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Hà Nội  
Công ty/Cửa hàng chúng tôi kính gửi Quý Viện báo giá sau:

TT	Tên vật tư, nguyên vật liệu và quy cách kỹ thuật	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã HS	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Nhựa Epoxy					Đương lượng, nhóm epoxy là 430~480 g/eq. Độ nhớt ở 25°C là 7500~11500 cPs, d=1,09 g/ml. Hàm gốc 75%.	kg	100			
2	Nhựa Siloxane					Hàm lượng: 50%, độ nhớt ở 25°C: 125 cP, tỉ lệ phenyl/metyl = 1,1. Hàm lượng silicon 48%	kg	25			
3	Nhựa Vinyl Clorua - Vinyl Izo Butyl Ether					Dạng bột trắng, tan tốt trong dung môi hữu cơ	kg	25			
4	Nhựa acrylic nhiệt dẻo					Dạng bột trắng, có thể tan tốt trong dung môi hữu cơ	kg	25			
5	Butyl acetate					Chất lỏng, có mùi thơm, KLR 0,88 g/mL, Điểm sôi: 126°C, độ tan trong nước (20°C): 0,7	lít	200			
6	Xylen					Chất lỏng, không màu. KLR: 0,864 g/mL, (20°C) Điểm sôi: 138,5°C	lít	200			
7	Metyl Etyl ketone					Chất lỏng, không màu, có mùi đặc trưng, dễ tan được trong nước	lít	200			
8	Bột rutil TiO <sub>2</sub>					chất rắn màu trắng (CIE L* = 99,6), độ thấm dầu 16,2; kích thước hạt < 0,5 um, Hàm lượng TiO <sub>2</sub> < 93%	kg	25			

9	Bột oxit kẽm (ZnO)					Dạng bột, KT hạt < 20 $\mu\text{m}$	Kg	50		
10	Phụ gia chống lắng					Hàm lượng Carbon: 5.5 %; Hấp thụ DOA: 240 ml/100g; pH 6.3;	kg	10		
11	Phụ gia phá bọt					Tỉ trọng 0.87g/ml, Hàm lượng chất rắn không bay hơi (10 min., 150 °C): 3.2%, Điểm chớp cháy: 28°C	kg	10		
12	Chất hỗ trợ phân tán					KL riêng: 1,19 g/ml, độ nhớt < 400 cPs, hàm gốc 50%	kg	10		
13	Phụ gia phát bọt					chất lỏng trắng mờ đến vàng nhạt, Khối lượng riêng : 0.82- 0.84g/ml, Chỉ số khúc xạ: 1,467- 1,477; Điểm chớp cháy: 26°C	kg	10		
14	Phụ gia chống ăn mòn					Độ mịn : 5.5 (Hegman), hấp thụ dầu: 27 (cm <sup>3</sup> /100g) % PO4: 48%; % Zn: 50%	kg	20		
15	Cu <sub>2</sub> O					Màu đỏ nâu – Tinh thể, Khối lượng riêng 6,0 g/cm <sup>3</sup> , Điểm nóng chảy 1235 °C (1508 K)	kg	1	bao 25 kg	
16	NaCl, loại P					Dạng hạt, màu trắng, độ tinh khiết 98%	kg	200	lọ 500g	
17	Thùng tôn có nắp đậy sơn, loại 18 lít					Chất liệu sắt tây, có nắp đậy, chiều dày 0,5 mm	cái	8		
18	Seanine 211 hoặc tương đương					Dung dịch 4,5-dichloro-2- N-octyl-4-isothiazolin-3-one trong xylene	kg	15		
19	Tinuvin 1130 hoặc tương đương					Dung dịch màu vàng nhạt, KLR (20°C) 1,17 g/ml, độ nhớt (20°C) 7400 cps	kg	5		
20	Tinuvin 292 hoặc tương đương					Dung dịch màu vàng nhạt, độ nhớt (20°C) 400 cps	kg	5		

21	Bóng đèn UV-A					Bóng đèn kích thước 1m <sup>2</sup> , phát xạ tia UVA 340 nm, với cường độ phát xạ 0,8 W/cm <sup>2</sup>	hộp/8 bóng	3		
	Tổng									

**Ghi chú:** Báo giá cần ghi chi tiết các nội dung về Hiệu lực của báo giá; Chất lượng hàng hóa; Thời gian, địa điểm giao hàng; Bảo hành hàng hóa và các điều kiện khác (nếu có).

Hà Nội, ngày tháng năm 2026  
**ĐẠI DIỆN CÔNG TY/CỬA HÀNG**

